

CHUYỂN BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC VEN BIỂN ĐÔNG NAM BỘ THỰC TRẠNG VÀ GỢI Ý VỀ CHÍNH SÁCH

Phan Thị Cẩm Lai

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 22/10/2021, ngày nhận đăng 11/12/2021

Tóm tắt: Trong giai đoạn 2016-2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã có những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội. Sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh dữ liệu từ nguồn tài liệu thứ cấp, tác giả tập trung đánh giá những thành tựu trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2016-2020 bao gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm, công tác chăm sóc sức khỏe, vấn đề an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, bài báo gợi ý một số chính sách nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực ven biển Đông Nam Bộ thời gian tới.

Từ khóa: Chuyển biến kinh tế; chuyển biến xã hội; khu vực ven biển; Đông Nam Bộ.

1. Mở đầu

Khu vực ven biển Đông Nam Bộ bao gồm 8 huyện, thị trực tiếp giáp biển, của 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 2.205 km², dân số đến hết năm 2019 là hơn 0,96 triệu người (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2020). Đây là vùng có vị trí, vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước vì hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội. Khu vực có đường bờ biển dài 171 km, giàu tài nguyên, nằm trên tuyến đường biển quốc tế quan trọng. Vì vậy, vùng có lợi thế lớn trong phát triển kinh tế biển, kinh tế vùng ven biển, đang từng bước trở thành trung tâm phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

Trong 5 năm từ 2016-2020, các địa phương ở đây thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động; giá dầu thô liên tục giảm mạnh, gây khó khăn cho nhóm ngành cơ khí, dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác, thăm dò dầu khí. Cùng với đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động mạnh mẽ đến các quốc gia và vùng lãnh thổ cũng tạo ra những thời cơ, thách thức không nhỏ trên tất cả các lĩnh vực. Ở trong nước, diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, dịch bệnh vật nuôi ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân. Sự bùng phát dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2020 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ các lĩnh vực kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân.

Trước tình hình đó, các địa phương đã phải chuyển hướng điều hành phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh. Một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội không thể tiếp tục thực hiện trong chủ trương đạt mục tiêu kép vừa tăng trưởng phát triển kinh tế vừa phòng chống dịch hiệu quả. Một số hoạt động phải thay đổi, điều chỉnh kế hoạch và phương thức thực hiện; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ du lịch. Mặc dù bối cảnh thế giới, trong nước có nhiều khó khăn bên cạnh những thuận

lợi, song các địa phương thuộc khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã đạt được những chuyển biến quan trọng về kinh tế - xã hội. Bằng việc sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh dữ liệu từ các báo cáo, văn kiện, các nguồn tài liệu thống kê của các địa phương ven biển Đông Nam Bộ, bài báo tập trung phân tích những chuyển biến cơ bản về kinh tế - xã hội, đồng thời trên cơ sở những thành tựu đạt được cũng như khó khăn, hạn chế còn tồn tại, tác giả gợi ý một số chính sách nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực trong thời gian tới.

2. Thực trạng chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ

2.1. Một số kết quả đạt được

Một là, tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn 2016-2020, kinh tế của khu vực ven biển Đông Nam Bộ tăng trưởng khá, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của vùng và cả nước, giá trị sản xuất của khu vực giai đoạn này tăng bình quân 12,07%, đóng góp trên 12% vào kinh tế của vùng Đông Nam Bộ (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Kinh tế tăng trưởng khá cao, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế đạt kết quả bước đầu, các nguồn lực xã hội được phát huy, góp phần cùng cả nước kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, cơ bản dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ.

Bảng 1: *Giá trị sản xuất gia tăng hàng năm của các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 - 2020*

Đơn vị tính: %					
Ngành	2016	2017	2018	2019	2020
Nông, lâm, ngư nghiệp	8,32	7,15	8,17	8,24	3,21
Công nghiệp và xây dựng	11,34	12,15	11,32	9,54	6,32
Dịch vụ và thương mại	20,67	21,73	20,43	19,78	12,54
Tổng số	13,44	13,68	13,31	12,54	7,36

Nguồn: *Tổng hợp, xử lý số liệu của tác giả từ Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh (2016-2020) và Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2016-2020)*

Các ngành dịch vụ và thương mại tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao nhất (năm 2016 là 20,67%; năm 2017 là 21,73%; năm 2018 là 20,43%; năm 2019 là 19,78%), riêng năm 2020 tốc độ tăng trưởng của ngành giảm xuống còn 12,54% do ảnh hưởng của dịch bệnh. Các ngành công nghiệp và xây dựng duy trì được mức tăng trưởng khá (trung bình 10%/năm); các ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng ổn định. Giá trị sản xuất tăng khá cao, bình quân 11,18%/năm, năm sau tăng cao hơn năm trước; quy mô kinh tế được mở rộng, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh được cải thiện, đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) ngày càng tăng, giai đoạn 2016-2020 đạt 33,1% (Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2021; Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2021). Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng hợp lý, tiến bộ

Thứ nhất, cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Nếu như năm 2016, dịch vụ và thương mại chiếm 35,18%; công nghiệp và xây dựng chiếm 61,04% và nông nghiệp chiếm 3,78%, thì đến năm 2019, các ngành dịch vụ và thương mại tăng lên 36,91%, công nghiệp và xây dựng giảm xuống còn 60,32%; nông, lâm, ngư nghiệp còn 3,41% (ngoại trừ năm 2020, cơ cấu ngành kinh tế có sự thay đổi do tác động của dịch bệnh ảnh hưởng tới dịch vụ và thương mại của khu vực) (Bảng 2).

Bảng 2: *Cơ cấu giá trị sản xuất phân theo ngành kinh tế của các địa phương được khảo sát vùng ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2016-2020*

Đơn vị tính: %

Ngành	2016	2017	2018	2019	2020
Nông, lâm, ngư nghiệp	3,78	3,65	3,63	3,41	3,44
Công nghiệp và xây dựng	61,04	60,74	60,45	60,32	61,65
Dịch vụ và thương mại	35,18	35,61	35,92	36,27	34,91
Tổng số	100	100	100	100	100

Nguồn: *Tổng hợp, xử lý số liệu của tác giả từ Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh (2016-2020) và Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2016-2020)*

Các ngành dịch vụ, nhất là du lịch biển và logistic phát huy vai trò là ngành mũi nhọn, phát triển đúng định hướng, đạt kết quả cao, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 7,3%/năm. Hiệu quả hoạt động của hệ thống cảng đang ngày càng được nâng lên, tổng công suất khai thác của hệ thống cảng ở khu vực đạt 75 triệu tấn/năm (năm 2020); công suất khai thác cảng tăng từ 40% (năm 2015) lên 53% (năm 2020), trong đó hàng container bằng tàu biển đạt bình quân 2,93 triệu TEUS/năm (tăng 23%/năm). Hệ thống cảng Cái Mép - Thị Vải trở thành cảng đầu tiên của Việt Nam (là cảng thứ 19 của thế giới) đón được tàu mẹ siêu lớn với trọng tải đến 194.000 DWT. Ngành thương mại phát triển theo hướng hiện đại, nhất là thương mại điện tử. Hệ thống phân phối hiện đại đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, góp phần gia tăng lưu thông hàng hóa và thúc đẩy sản xuất phát triển. Tỷ trọng doanh số mua bán trực tuyến trên tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8%. Kinh tế của khu vực có độ mở thương mại lớn, kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm 125% giá trị sản xuất với tốc độ tăng bình quân đạt 8,14%/năm (Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, 2019, 2021).

Ngành công nghiệp và xây dựng của khu vực tăng trưởng khá với tốc độ tăng bình quân của giai đoạn 2016-2020 đạt 6,1%/năm. Giá trị của ngành chiếm 18,9% giá trị sản xuất của khu vực và cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp. Đây là chuyển biến kinh tế tích cực của khu vực so với thời gian trước. Tỷ lệ nội địa hóa của các ngành công nghiệp trọng yếu tăng so với trước đây, đạt gần 61% vào năm 2020 (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Cùng với đó, các địa phương đã chủ động ban hành các danh mục, xây dựng chính sách phát triển nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực, bước đầu đã hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, chủ động tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp về cơ bản vẫn duy trì được sự ổn định. Đây là giai đoạn nông nghiệp của khu vực phát triển theo định hướng nông nghiệp hiện đại với năng suất lao động cao (tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 18,2%), tập trung vào các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học. Các sản phẩm chủ lực được xác định và đầu tư phát triển mạnh mẽ, giá trị sản xuất bình quân trên một ha đất sản xuất nông nghiệp tính đến năm 2020 đạt gần 420 triệu đồng/năm, tăng gần 1,21 lần so với năm 2015 (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Tốc độ tăng trưởng giá trị ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 4,7%/năm (cao hơn mức tăng bình quân của cả nước là 2,6%/năm). Tổng sản lượng thủy sản khai thác được trong 5 năm 2016-2020 đạt 1,6 triệu tấn, tăng trung bình 2,9%/năm. Tổng số tàu cá của các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ đến năm 2020 có 5.829 chiếc (giảm 465 chiếc so với năm 2015), trong đó khai thác xa bờ là 2.900 chiếc, chiếm 49,75% tổng số tàu cá (năm 2015 là 2.849 chiếc, chiếm 45,12%). Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2016-2020 đạt 87,3 ngàn tấn, tăng 4,78%/năm (Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, 2021). Nhiều mô hình nuôi ứng dụng theo các tiêu chuẩn an toàn đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn như VietGAP, GlobalGAP, BAP, ASC.

Thứ hai, cơ cấu thành phần kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ từ năm 2016 đến 2020 cũng chuyển dịch theo hướng tích cực, hợp lý.

Bảng 3: Cơ cấu thành phần kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ

	Đơn vị tính: %				
	2016	2017	2018	2019	2020
I. Kinh tế nhà nước	22,32	21,10	20,37	18,27	16,45
II. Kinh tế ngoài nhà nước	23,63	33,96	41,94	46,66	47,98
1. Kinh tế tập thể	0,42	0,81	1,12	2,13	2,14
2. Kinh tế tư nhân	19,34	27,23	34,36	37,74	39,43
3. Kinh tế cá thể	3,87	5,92	6,46	6,79	6,41
III. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	54,05	44,94	37,69	35,07	35,57
Tổng	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu của tác giả từ Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh (2016-2020) và Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2016-2020)

Kinh tế nhà nước được sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động. Những doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả được giải thể hoặc cổ phần hóa. Kinh tế nhà nước giảm từ 22,23% (năm 2016) xuống còn 16,45% (năm 2020), tuy nhiên vẫn nắm giữ những ngành, những lĩnh vực kinh tế then chốt.

Kinh tế ngoài nhà nước có sự tăng trưởng nhanh, từ 23,63% (năm 2016) lên 47,98% (năm 2020), trong đó kinh tế tư nhân chiếm vị trí, vai trò ngày càng lớn trong cơ cấu kinh tế của khu vực. Kinh tế ngoài nhà nước phát triển nhanh ở các lĩnh vực, tỷ trọng tiếp tục tăng và cao nhất trong cơ cấu kinh tế, huy động, khai thác tốt hơn nguồn vốn trong dân cư, đóng góp lớn cho ngân sách, tạo nhiều việc làm mới. Điều này phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của Đảng ta, coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có vốn đầu tư cấp mới giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 1 tỷ USD, đạt tốc độ tăng bình quân 8%/năm và đóng góp quan trọng vào cơ cấu

GRDP của khu vực (khoảng 18%) (Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, 2021).

Kinh tế tập thể vượt qua giai đoạn khó khăn, phát triển khá trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ - thương mại, vận tải, là thành phần nòng cốt cùng kinh tế nhà nước bình ổn thị trường. Số lượng hợp tác xã tăng lên về số lượng, chất lượng ngày càng được cải thiện. Kinh tế hợp tác của khu vực đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2016-2020 là 6%/năm và đóng góp khoảng 2% giá trị sản xuất của khu vực. Cùng với đó, các hợp tác xã từng bước đổi mới về phương thức hoạt động, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng về số lượng và chất lượng, tạo ra những sản phẩm công nghệ cao, thúc đẩy xuất khẩu phát triển, nhưng tăng trưởng kinh tế giảm phụ thuộc vào vốn đầu tư khi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng giảm trong cơ cấu thành phần kinh tế (Bảng 3).

Ba là, tập trung phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng và thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Về phát triển đô thị: Đến năm 2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ phát triển theo hướng đa trung tâm, kết nối các khu kinh tế trong vùng với các trung tâm đô thị lớn khác thông qua các hành lang đô thị hóa, đồng thời hiện đại hóa khu vực đô thị cũ và đầu tư, xây dựng các đô thị mới, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giữa các địa phương. Một số khu đô thị mới có quy mô dân số hợp lý như: Phú Mỹ, Long Sơn, Long Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu) và vùng giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành. Xây dựng các tuyến đường liên thông với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Đà Lạt. Đầu tư hiện đại hóa các cảng cá Côn Đảo, Lộc An, Phước Tỉnh, Cát Lở (của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); các cảng cá Chánh Hưng, Cần Giờ, Nhà Bè (của Thành phố Hồ Chí Minh).

Về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới: Trong giai đoạn 2016-2020, đã có thêm 24 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Huy động được 11.938 tỷ đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 1.760 tỷ đồng đầu tư cho cơ sở hạ tầng (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020).

Bốn là, giáo dục và đào tạo tiếp tục được đầu tư, phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm

Ngành giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô, nâng cao về chất lượng, thực hiện các giải pháp đột phá để có bước tiến rõ nét trong quá trình hội nhập quốc tế. Chất lượng giáo dục và đào tạo, đội ngũ giáo viên và quản lý giáo dục của các địa phương trong khu vực ven biển Đông Nam Bộ từng bước được nâng cao. Đời sống của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục được quan tâm và cải thiện hơn.

Các địa phương đã tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy - học hiện đại, đổi mới hình thức tổ chức, nội dung, phương pháp dạy - học, chú trọng cập nhật các chương trình và phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Giáo dục ở một số trường cao đẳng, đại học cũng có sự phát triển mạnh mẽ theo hướng đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế.

Các địa phương đã đa dạng hóa các giải pháp, hỗ trợ giải quyết việc làm hiệu quả cho người lao động, hỗ trợ các doanh nghiệp tạo ra nhiều việc làm, tăng cường công tác

dự báo về thị trường lao động. Đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của cả khu vực đô thị và nông thôn giảm xuống còn 3,5% (Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, 2021).

Năm là, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, phát triển theo chiều sâu

Ở giai đoạn 2016-2020, lĩnh vực y tế có sự tiến bộ vượt bậc, đảm bảo những điều kiện tốt nhất để chăm sóc sức khỏe của nhân dân như đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển đồng bộ hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh theo định hướng phát triển chuyên sâu. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế cũng thu được những kết quả khích lệ, thu hút được một phần đáng kể nguồn lực xã hội nhằm phát triển mạnh mẽ, đa dạng nhiều loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng và ngày càng cao của nhân dân.

Một số bệnh viện và trung tâm y tế tuyến huyện của khu vực đã được triển khai nhiều hệ thống kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại, hình thành mạng lưới các trạm cấp cứu vệ tinh bao phủ các địa bàn. Bên cạnh đó, năng lực khám, chữa bệnh của các bệnh viện, trung tâm y tế cơ sở được củng cố và phát triển, nhiều mô hình hiệu quả được triển khai, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

Sáu là, thực hiện tốt vấn đề an sinh xã hội cho các đối tượng

Chính sách an sinh xã hội đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, trẻ em, người cao tuổi, những người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội được chính quyền các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ quan tâm và thực hiện tốt. Giai đoạn 2016-2020, các địa phương đã xét duyệt chế độ ưu đãi cho 16.000 đối tượng; cấp kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho hơn 27.000 đối tượng; thực hiện công tác chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công với cách mạng với tổng chi phí khoảng 900 tỷ đồng; tổ chức cho 3.593 đối tượng người có công với cách mạng đi thăm quan, điều dưỡng; tổ chức thăm quan và tặng quà tết nguyên đán hàng năm cho đối tượng và gia đình chính sách với tổng kinh phí đạt 122 tỷ đồng. Các địa phương đã hỗ trợ xây mới 115 căn nhà với số tiền 1,15 tỷ đồng cho đối tượng là người có công với cách mạng; hỗ trợ xây mới 45 căn nhà tình nghĩa với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng; hỗ trợ đối tượng người có công có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo với khoảng 2,9 tỷ đồng (Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2019; Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, 2019).

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, giai đoạn 2016-2020, chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ còn một số hạn chế, khó khăn:

Thứ nhất, một số ngành kinh tế biển được xác định ưu tiên tạo bước đột phá nhưng phát triển chưa tương xứng với điều kiện tiềm năng. Ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản tuy phát triển nhưng chưa mang tính ổn định, bền vững. Phần lớn hoạt động khai thác biển vẫn theo phương thức sản xuất và đầu tư nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, chủ yếu tập trung vào khai thác tài nguyên biển ở dạng vật chất mà chưa tính đến khả năng tái tạo nguồn lợi biển. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động nuôi trồng thủy sản còn hạn chế; hệ sinh thái vùng biển và ven biển một số nơi bị ô nhiễm nặng, nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt.

Thứ hai, tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động chưa thực sự tương ứng với tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu lao động chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông

ngành còn chậm (năm 2015 chiếm 25,5%, năm 2020 chiếm 23,29%) (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Tình trạng này sẽ còn xảy ra trong thời gian tới do ngành phi nông nghiệp thường có năng suất lao động cao hơn trong khu vực nông nghiệp và trước yêu cầu sản xuất hàng hoá của nền kinh tế thị trường, trình độ tay nghề của lao động nông thôn chưa đáp ứng tốt đòi hỏi về mặt chất lượng của thị trường lao động của các ngành khác vì vậy khả năng gia nhập thị trường lao động phi nông nghiệp nhằm thay đổi cơ cấu lao động trong nền kinh tế của khu vực vẫn sẽ còn bị hạn chế.

Thứ ba, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế biển chưa đồng bộ. Kết cấu hạ tầng được đầu tư khá nhiều nhưng còn dàn trải, một số công trình hạ tầng giao thông thì công chậm, chất lượng chưa cao, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư. Trong xây dựng chiến lược, quy hoạch thiếu đồng bộ giữa phát triển kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển, giữa kết cấu hạ tầng giao thông và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, làm phân tán tiềm năng phát triển kinh tế biển, khai thác kém hiệu quả.

Thứ tư, công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo thực hiện khá chậm, chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp học và các cấp quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, chủ yếu mới tập trung vào tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp, trong khi các năng lực cần thiết khác như đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, quản trị nhà trường vẫn còn hạn chế. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Thứ năm, chất lượng khám, chữa bệnh nhiều mặt vẫn còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế ở một số cơ sở thực hiện chưa tốt. Công tác quản lý nhà nước về y tế tư nhân, cung ứng thuốc về các bệnh không lây, mạn tính chưa được quan tâm đúng mức. Việc thu hút, đãi ngộ lực lượng y tế cơ sở vẫn còn thấp, chưa đủ sức để động viên, giữ chân và phát triển mạnh, chuyên sâu nguồn nhân lực y tế giỏi.

3. Gợi ý về chính sách

Để tạo sự chuyển biến rõ nét trong thời gian tới, các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, rà soát, bổ sung các quy hoạch về ngành kinh tế biển trọng điểm có tính khả thi cao và mang lại hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước và thực trạng phát triển của khu vực. Xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch khai thác và sử dụng nguồn lợi biển với phương thức tiếp cận sinh thái nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Tuyên truyền, nâng cao ý thức và ứng xử của người dân trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. Đối với ngành khai thác thủy sản, cần thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ ngư dân, đầu tư trang thiết bị hiện đại khai thác thủy sản trên các vùng biển khơi xa; song song với việc chuyển đổi ngành nghề, tạo sinh kế, phúc lợi cho người dân tham gia các hoạt động kinh tế liên quan đến biển như du lịch sinh thái, các dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến thủy hải sản... Đối với ngành nuôi trồng thủy sản, cần tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường vùng ven biển.

Hai là, tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động phổ thông như: dệt may, giày da, chế biến nông, lâm, thủy sản, dịch vụ vận tải, dịch vụ du lịch... Đây là những ngành vừa huy động lực lượng lao động từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp, vừa giải quyết lao động dư thừa ở nông thôn. Đồng thời, triển khai thực hiện các chương trình hướng tới nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác dạy nghề

cho lao động nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn, góp phần gia tăng cơ hội việc làm, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, cần thường xuyên điều tra, khảo sát, thống kê thực trạng nguồn nhân lực ở tất cả các ngành để làm cơ sở đưa ra dự báo định hướng và hỗ trợ đào tạo, bảo đảm cân đối cung - cầu và cơ cấu nguồn nhân lực giữa các ngành kinh tế.

Thứ ba, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ và đa năng; Tập trung đầu tư các công trình quan trọng mang tính đột phá nhất là hệ thống giao thông đa phương thức kết nối liên thông cụm cảng biên Vũng Tàu và cảng Sài Gòn với các khu công nghiệp, khu kinh tế, các đô thị trong khu vực cũng như với các vùng miền, địa phương trong nước và quốc tế; Xây dựng cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi, có sức hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư; Trong công tác đấu thầu công trình, cần thực hiện việc lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm; công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Bốn là, xây dựng nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong khu vực về xã hội hóa giáo dục và đào tạo; Trong công tác xã hội hóa, ưu tiên cho giáo dục mầm non và các trường chất lượng cao; Khi tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, cần có các quy định đặc biệt nhằm mục tiêu đảm bảo phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và tin học; Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, tọa đàm theo định kỳ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có cơ hội cập nhật những kiến thức, kỹ năng giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, kỹ thuật mới; Đồng thời, thực hiện tốt việc gắn kết giữa “Ba nhà” (Nhà nước, nhà trường và nhà doanh nghiệp) trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Năm là, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của chính quyền các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực và công tác quản lý khám bệnh, chữa bệnh tại các trung tâm y tế, cơ sở khám, chữa bệnh trong khu vực; Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức mua sắm, phân bổ nguồn lực y tế như thuốc, máy móc, thiết bị, vật tư y tế. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của đội ngũ y bác sĩ; Thực hiện tốt chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và giữ chân cán bộ y tế nhằm thu hút bác sĩ, sinh viên về làm việc tại địa phương sau khi tốt nghiệp.

4. Kết luận

Khu vực ven biển Đông Nam Bộ có tiềm năng, lợi thế lớn và cũng là vùng có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, làm động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ và của cả nước. Những thành tựu trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực giai đoạn 2016-2020 là tiền đề quan trọng để khu vực tiếp tục thực hiện tốt *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Trong thời gian tới, để trở thành vùng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, chính quyền các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nhanh và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2019). *Niên giám thống kê năm 2018*. TP Hồ Chí Minh: NXB Thống kê.
- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Niên giám thống kê năm 2020*. TP Hồ Chí Minh: NXB Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2019). *Niên giám thống kê năm 2018*. TP Hồ Chí Minh: NXB Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2021). *Niên giám thống kê năm 2020*. TP Hồ Chí Minh: NXB Thống kê.
- Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI*. TP Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.
- Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ VII (2021-2025)*. NXB Báo Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam (2020). *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019*. Hà Nội: NXB Thống kê.

SUMMARY

ECONOMIC - SOCIAL CHANGE IN THE SOUTHEAST COASTAL AREA: CURRENT SITUATION AND POLICY IMPLICATIONS

Phan Thi Cam Lai

Thu Dau Mot University

Received on 22/10/2021, accepted for publication on 11/12/2021

During the 2016-2020 period, the Southeast coastal area has had positive socio-economic changes. Using the method of synthesizing, analyzing and comparing data from secondary sources, the author focuses on evaluating the achievements in the socio-economic transformation of the region in the period 2016-2020: economic growth rate, economic restructuring, urban development and infrastructure, human resource development and job creation, health care, social security issues. On that basis, the article suggests some policies to overcome the shortcomings and limitations in the socio-economic transformation of the Southeast coastal area.

Keywords: Economic change; social transformation; coastal area; Southeast.